



Thành phần: Mỗi viên nang cứng chứa:
Silymarin (tính theo silybin, HPLC) (dưới dạng Cao khô quả cây milk thistle (*Extractum Fructus Silybi mariani sicum*)) 200 mg
Tá dược vđ 1 viên
Chỉ định, cách dùng, chống chỉ định và các thông tin khác:
Xem trong tờ hướng dẫn sử dụng thuốc kèm theo.
Tiêu chuẩn: TCCS.
SĐK:
Bảo quản: Nơi khô, nhiệt độ không quá 30°C, tránh ánh sáng.
Để xa tầm tay của trẻ em, đọc kỹ hướng dẫn sử dụng trước khi dùng.

Cơ sở sản xuất: Nhà máy sản xuất thuốc Đông dược - Công ty cổ phần Dược - Vật tư y tế Thanh Hóa
Lô 4-5-6, khu công nghiệp Tây Bắc Ga, phường Đông Thọ, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa
ĐT: 0237 3737888 - Hotline: 1800 8140

HỘP 2 VI x 10 VIÊN

TENOPITA

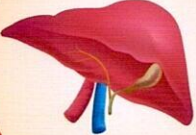
WHO-GMP

HỘP 2 VI x 10 VIÊN

TENOPITA

WHO-GMP

Silymarin (tính theo silybin, HPLC) (dưới dạng Cao khô quả cây milk thistle (*Extractum Fructus Silybi mariani sicum*)) 200 mg



Lô SX/ Lot No.:
NSX/ Mfg. date:
HD/ Exp. date:



MẪU NHÃN ĐĂNG KÝ THUỐC
27 / 4 / 2025

SẢN PHẨM
TENOPITA

KÍCH THƯỚC
Hộp: (100 x 50 x 68) mm
Vi: (96 x 66) mm

MÀU SẮC

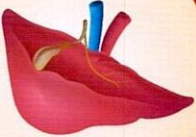
C:0 M:100 Y:100 K:20	C:0 M:0 Y:0 K:100
-------------------------------	----------------------------

WHO-GMP

TENOPITA

BOX 2 BLIS. x 10 CAPS.

Silymarin (as silybin, HPLC) (as dry milk thistle fruit extract (*Extractum Fructus Silybi mariani sicum*)) 200 mg



Composition: Each capsule contains:
Silymarin (as silybin, HPLC) (as dry milk thistle fruit extract (*Extractum Fructus Silybi mariani sicum*)) q.s. 1 capsule
Excipients:
Indications, administration, contraindications and other information:
See the enclosed leaflet.
Storage: In a dry place, temperature below 30°C, protect from light.
Specification: In-house.
Reg. No.:
Keep out of reach of children, read carefully the leaflet before use.

Manufacturer: Traditional Medicine Production Factory - Thanh Hoa medical materials - Pharmaceutical JSC
Add: Lot 4-5-6, Tay Bac Ga Industrial park, Dong Tho ward, Thanh Hoa city, Thanh Hoa province
Tel: 0237 3737888 - Hotline: 1800 8140

WHO-GMP

TENOPITA

BOX 2 BLIS. x 10 CAPS.

Silymarin (as silybin, HPLC) (as dry milk thistle fruit extract (*Extractum Fructus Silybi mariani sicum*)) 200 mg



TENOPITA

BOX 5 BLIS. x 10 CAPS.



thephaco

**MẪU NHÃN
ĐĂNG KÝ THUỐC**

TENOPITA

MÀU SẮC



C:0
M:0
Y:0
K:100



Thành phần: Mỗi viên nang cứng chứa:
Silymarin (tính theo silybin, HPLC) (dưới dạng Cao khô quả cây milk thistle (*Extractum Fructus Silybi mariani siccum*)).....200 mg
Tá dược vỡ 1 viên

Chỉ định, cách dùng, chống chỉ định và các thông tin khác:
Xem trong tờ hướng dẫn sử dụng thuốc kèm theo.

Tiêu chuẩn: TCCS.

SDK:
Bảo quản: Nơi khô, nhiệt độ không quá 30°C, tránh ánh sáng.
Để xa tầm tay của trẻ em, đọc kỹ hướng dẫn sử dụng trước khi dùng.

Cơ sở sản xuất: Nhà máy sản xuất thuốc Đông dược - Công ty cổ phần Dược - Vật tư y tế Thanh Hóa
Lô 4-5-6, khu công nghiệp Tây Bắc Ga, phường Đồng Thọ, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa
ĐT: 0237 3737888 - Hotline: 1800 8140

HỘP 10 VÍ x 10 VIÊN

TENOPITA

WHO-GMP

HỘP 10 VÍ x 10 VIÊN

TENOPITA

WHO-GMP

Silymarin (tính theo silybin, HPLC) (dưới dạng Cao khô quả cây milk thistle (*Extractum Fructus Silybi mariani siccum*)) 200 mg

Lô SX/ Lot No.:
NSX/ Mfg. date:
HD/ Exp. date:

WHO-GMP

Silymarin (as silybin, HPLC) (as dry milk thistle fruit extract (*Extractum Fructus Silybi mariani siccum*)) 200 mg

MẪU NHÃN ĐĂNG KÝ THUỐC
27/04/2025

SẢN PHẨM
TENOPITA

KÍCH THƯỚC
Hộp: (100 x 50 x 68) mm
Vỉ: (96 x 66) mm

MÀU SẮC
C:0 M:100 Y:100 K:20
C:0 M:0 Y:0 K:100

WHO-GMP

BOX 10 BLIS. x 10 CAPS.

TENOPITA

Silymarin (as silybin, HPLC) (as dry milk thistle fruit extract (*Extractum Fructus Silybi mariani siccum*)) 200 mg

WHO-GMP

BOX 10 BLIS. x 10 CAPS.

TENOPITA

Silymarin (as silybin, HPLC) (as dry milk thistle fruit extract (*Extractum Fructus Silybi mariani siccum*)) 200 mg

Composition: Each capsule contains:
Silymarin (as silybin, HPLC) (as dry milk thistle fruit extract (*Extractum Fructus Silybi mariani siccum*)).....200mg
Excipients q.s. 1 capsule

Indications, administration, contraindications and other information:
See the enclosed leaflet.

Storage: In a dry place, temperature below 30°C, protect from light.

Specification: In-house.

Reg. No.:
Keep out of reach of children, read carefully the leaflet before use.

Manufacturer: Traditional Medicine Production Factory - Thanh Hoa medical materials - Pharmaceutical JSC
Add: Lot 4-5-6, Tây Bắc Ga Industrial park, Dong Tho ward, Thanh Hoa city, Thanh Hoa province
Tel: 0237 3737888 - Hotline: 1800 8140

WHO-GMP

BOX 10 BLIS. x 10 CAPS.

TENOPITA

Silymarin (as silybin, HPLC) (as dry milk thistle fruit extract (*Extractum Fructus Silybi mariani siccum*)) 200 mg

TỜ HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG THUỐC

1. Tên thuốc: TENOPITA

2. Các dấu hiệu lưu ý và khuyến cáo khi dùng thuốc

Để xa tầm tay trẻ em

Đọc kỹ hướng dẫn sử dụng trước khi dùng

3. Thành phần công thức thuốc: Cho 1 viên:

Thành phần hoạt chất	
Silymarin (tính theo silybin, HPLC) (dưới dạng Cao khô quả cây milk thistle (<i>Extractum Fructus Silybi mariani siccum</i>))	200 mg
Thành phần tá dược	
Methyl paraben (Nipagin), Propyl paraben (Nipasol), Colloidal Silicon Dioxide, Magnesium stearate, Vỏ nang số 0 (gelatin, sodium lauryl sulfate, titanium dioxide, FD&C Red No.40, quinoline yellow, FD&C Blue No.1)	Vừa đủ 1 viên

4. Dạng bào chế

- Dạng bào chế: Viên nang cứng
- Mô tả sản phẩm: Viên nang cứng màu nâu, bên trong chứa cốm thuốc màu nâu vàng đến nâu.

5. Chỉ định

Bệnh gan cấp tính, đau nhu mô gan. Hỗ trợ trong bệnh gan mạn tính và tình trạng gan nhiễm mỡ và tiền xơ gan.

6. Cách dùng và liều dùng

Cách dùng:

Đường uống, uống sau bữa ăn.

Liều dùng:

Liệu trình tấn công kéo dài 4 - 6 tuần: 1 viên x 2 lần/ngày, sau bữa ăn hoặc theo đơn thuốc

Liệu trình duy trì, có thể tiếp tục trong một thời gian dài: 1 viên x 1 lần/ngày sau bữa ăn hoặc theo đơn thuốc

7. Chống chỉ định

- Quá mẫn với hoạt chất hoặc với bất kỳ tá dược nào của thuốc.
- Tình trạng tắc nghẽn cơ học đường mật.

8. Cảnh báo và thận trọng khi dùng thuốc

- Không có trường hợp nghiện hay lệ thuộc nào được biết đến.
- Không có biện pháp phòng ngừa đặc biệt nào được yêu cầu khi sử dụng.
- Thuốc có chứa methyl paraben (Nipagin), propyl paraben (Nipasol), có thể gây phản ứng dị ứng (có thể dị ứng muộn).

9. Sử dụng cho phụ nữ có thai và cho con bú

Thuốc không có tác dụng gây quái thai; tuy nhiên, khuyến cáo không sử dụng trong thời kỳ mang thai trừ những trường hợp thực sự cần thiết.

10. Ảnh hưởng của thuốc lên khả năng lái xe, vận hành máy móc

Tenopita không có hoặc ảnh hưởng không đáng kể đến khả năng lái xe hoặc vận hành máy móc.

11. Tương tác, tương kỵ của thuốc

Tương tác thuốc

Không phát hiện tương tác với các loại thuốc khác mặc dù đã quan sát thấy silymarin làm giảm hoạt động của cytochrome P450, UDP-glucuronosyltransferase (UGT) và làm giảm hoạt động của P-gp.

Tương kỵ

Do không có các nghiên cứu về tính tương kỵ của thuốc, không trộn lẫn thuốc này với các thuốc khác.

12. Tác dụng không mong muốn

Silymarin thường được dung nạp tốt. Tác dụng nhuận tràng, lợi tiểu và đau đầu đôi khi đã được báo cáo.

Báo cáo tác dụng không mong muốn của thuốc

Việc báo cáo các tác dụng không mong muốn sau khi thuốc được phê duyệt là rất quan trọng. Nó cho phép tiếp tục theo dõi đánh giá lợi ích/ rủi ro của thuốc. Các chuyên gia chăm sóc sức khỏe được yêu cầu báo cáo bất kỳ tác dụng không mong muốn nào tới:

Trung tâm DI &ADR Quốc gia

13 - 15 Lê Thánh Tông, Hà Nội

Website: www.canhgiacduoc.org.vn

13. Quá liều và cách xử trí

Không có trường hợp quá liều đã được báo cáo

14. Đặc tính dược lực học

Nhóm dược lý: Thuốc điều trị bệnh gan

Mã ATC: A05BA03

Tenopita cung cấp các hoạt động chống độc và kích thích gan rõ rệt bằng cách làm ổn định trên màng tế bào gan và trên màng bên trong của các bào quan tế bào chất, khôi phục các cấu trúc đã bị thay đổi và đưa các chức năng đặc trưng của chúng trở lại bình thường.

15. Đặc tính dược động học

Các nghiên cứu dược động học đã chỉ ra rằng thuốc được hấp thu tốt qua đường uống và sự hấp thu tỷ lệ thuận với liều dùng. Thải trừ qua bề thận rất thấp, chủ yếu qua đường mật (80-90% liều dùng) với sự tồn tại của tuần hoàn ruột. Thực tế, nồng độ cao nhất được tìm thấy trong gan và máu, ở mức độ khiêm tốn ở các cơ quan khác. Sau khi dùng lặp lại, bài tiết qua mật đạt trạng thái ổn định vào cuối ngày thứ hai, do đó loại trừ hiện tượng tích tụ.

16. Quy cách đóng gói

Hộp 2 vỉ x 10 viên; Hộp 5 vỉ x 10 viên; Hộp 10 vỉ x 10 viên

17. Điều kiện bảo quản, hạn dùng, tiêu chuẩn chất lượng của thuốc

- Điều kiện bảo quản: Nơi khô, nhiệt độ không quá 30°C, tránh ánh sáng.
- Hạn dùng: 36 tháng kể từ ngày sản xuất.
- Tiêu chuẩn chất lượng: TCCS.

18. Tên, địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc

Nhà máy sản xuất thuốc đông dược -

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - VẬT TƯ Y TẾ THANH HÓA

Lô 4-5-6, khu công nghiệp Tây Bắc Ga, phường Đông Thọ, thành phố Thanh Hóa,
tỉnh Thanh Hoá

Điện thoại: 0237 3737888 - Hotline: 1800 8140

Ngày ..25 tháng ...9 năm 2025

TỔNG GIÁM ĐỐC *L. Minh*



Trần Thanh Minh

